

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 5 – 2022V/v “Tranh chấp
hôn nhân và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh;
2. Ông Lê Hữu Danh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 03, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lưu Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 03, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà H và ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Thanh T là do mai mối đi đến hôn nhân 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V năm 2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, nên bà H xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Lưu Tín Nhiệm, sinh ngày 30/05/2008 và Lưu Như Ngọc, sinh ngày 05/11/2020. Con chung hiện này do bà H nuôi dạy. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài liệu, chứng cứ:

Bà Nguyễn Thị H giao nộp: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị H; bản sao Sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Nguyễn Văn Đ; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn nhân số 68 ngày 14/4/2008 của Ủy ban nhân dân xã V.

Ý kiến trình bày ông T: Ông T thống nhất lời trình bày bà H về điều kiện đi đến hôn nhân, cũng như mâu thuẫn vợ chồng thống nhất ly hôn theo yêu cầu bà H.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Lưu Tín N, sinh ngày 30/05/2008 và Lưu Như N, sinh ngày 05/11/2020. Hiện nay con chung đang sống cùng bà H. Khi ly hôn ông T đồng ý để bà H được nuôi dạy con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có mặt theo triệu tập của Tòa nên không không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, bà H, ông T cùng vắng mặt và cùng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà H và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt các đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà H và ông T có đơn xin không tham gia phiên tòa. Do đó tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà H yêu cầu xin ly hôn với ông T. Ông T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại: Tổ 03, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do mai mối đi đến hôn nhân 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V năm 2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, nên bà H xin ly hôn.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là do mâu thuẫn vợ chồng, hai người sống chung không hạnh phúc, dẫn đến hôn nhân không thể tồn tại. Hiện tại bà H xác định là không còn tình cảm với ông T và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với ông T. Ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H có căn cứ.

[2.2] Về quan hệ con chung: 02 con chung tên Lưu Tín N, sinh ngày 30/05/2008 và Lưu Như N, sinh ngày 05/11/2020. Con chung hiện này do bà H nuôi dạy, các cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với bà H, Đồng thời ông T thống nhất để con chung cho bà H nuôi dạy nên tiếp tục giao cho mẹ nuôi là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lưu Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 14/4/2008 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Lưu Tín N, sinh ngày 30/05/2008 và Lưu Như N, sinh ngày 05/11/2020 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006675 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà H đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/05/2022) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện A (1);
- THADS huyện A (1);
- UBND xã V(1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Mai Việt Quốc